

HƯỚNG DẪN

Triển khai thực hiện phong trào thi đua “Lao động giỏi, năng suất cao, thu nhập tốt” và Cuộc vận động “3 tiết kiệm” giai đoạn 2026-2031

Căn cứ Kế hoạch số 01/KH-TLĐ ngày 11/6/2026 của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam về tổ chức Phong trào thi đua “Lao động giỏi, năng suất cao, thu nhập tốt” giai đoạn 2026 – 2031 (sau đây gọi tắt là Phong trào) và Kế hoạch số 32/KH-TLĐ ngày 24/7/2026 của Tổng Liên đoàn tổ chức Cuộc vận động “3 tiết kiệm” trong đoàn viên, người lao động và các cấp công đoàn giai đoạn 2026 -2031 (sau đây gọi tắt là “Cuộc vận động”), Ban Thường vụ Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam hướng dẫn thực hiện một số nội dung thi đua, khen thưởng sau:

I. TIÊU CHÍ THI ĐUA PHONG TRÀO “LAO ĐỘNG GIỎI, NĂNG SUẤT CAO, THU NHẬP TỐT”

1. Tiêu chí thi đua đối với tập thể:

1.1. Đối với LĐLĐ tỉnh, thành phố, công đoàn ngành, công đoàn tập đoàn, tổng công ty trực thuộc Tổng Liên đoàn;

- Tổ chức triển khai, đăng ký Phong trào: Ban hành kế hoạch triển khai đúng thời hạn; tổ chức quán triệt đến các công đoàn trực thuộc; đăng ký chỉ tiêu hàng năm, theo dõi, đánh giá và thực hiện chế độ báo cáo theo quy định.

- Tuyên truyền, vận động và xây dựng điển hình tiên tiến: Tổ chức tuyên truyền, hoạt động hưởng ứng Phong trào bằng các hình thức phù hợp; thường xuyên phát hiện, giới thiệu, biểu dương và nhân rộng các tập thể, cá nhân tiêu biểu.

- Nâng cao trình độ, kỹ năng nghề cho đoàn viên, người lao động: Hằng năm chủ trì, phối hợp hoặc hỗ trợ tổ chức các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng nghề, kỹ năng số; hội thi tay nghề, thi thợ giỏi hoặc các hoạt động nâng cao trình độ, kỹ năng cho người lao động.

- Phát huy sáng kiến, đổi mới sáng tạo và nâng cao năng suất lao động: Chỉ đạo, hướng dẫn công đoàn cơ sở triển khai các hoạt động phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số; xây dựng, nhân rộng mô hình nâng cao năng suất lao động; hoàn thành các chỉ tiêu được giao về sáng kiến và Bằng Lao động sáng tạo.

- Nâng cao thu nhập, phúc lợi và chất lượng thỏa ước lao động tập thể: Có giải pháp hoặc chương trình phối hợp thúc đẩy đối thoại, thương lượng tập thể về tiền lương, tiền thưởng, phúc lợi và điều kiện làm việc; nâng cao số lượng, chất lượng thỏa ước lao động tập thể có nội dung có lợi hơn cho người lao động.

- Kết quả và sức lan tỏa của Phong trào: Có mô hình, tập thể, cá nhân tiêu biểu được biểu dương, khen thưởng và nhân rộng; kết quả thực hiện Phong trào có chuyển biến rõ về kỹ năng nghề, sáng kiến, năng suất lao động hoặc thu nhập, phúc lợi của người lao động.

1.2. Đối với công đoàn cơ sở và đơn vị, doanh nghiệp:

- Tổ chức triển khai Phong trào tại cơ sở: Công đoàn phối hợp với người sử dụng lao động xây dựng kế hoạch hoặc chương trình hưởng ứng Phong trào phù hợp với điều kiện thực tế; có hình thức đăng ký, theo dõi, đánh giá và động viên đoàn viên, người lao động tham gia.

- Đào tạo, nâng cao trình độ và xây dựng đội ngũ lao động giỏi: Tạo điều kiện để người lao động được đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao tay nghề, kỹ năng nghề, kỹ năng số; duy trì các hoạt động luyện tay nghề, thi tay nghề và biểu dương công nhân giỏi, lao động giỏi.

- Phát huy sáng kiến, đổi mới sáng tạo và ứng dụng khoa học công nghệ: Thường xuyên tổ chức các hoạt động phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, đổi mới sáng tạo, ứng dụng khoa học công nghệ và chuyển đổi số nhằm nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả sản xuất, kinh doanh; người lao động có sáng kiến được ghi nhận, đánh giá và khen thưởng tương xứng với hiệu quả, giá trị làm lợi mang lại cho đơn vị, doanh nghiệp.

- Đối thoại, thương lượng và nâng cao thu nhập, phúc lợi: Thực hiện đối thoại tại nơi làm việc, thương lượng tập thể về tiền lương, tiền thưởng, điều kiện làm việc và phúc lợi; có thỏa ước lao động tập thể hoặc thỏa thuận mang lại lợi ích cao hơn quy định pháp luật cho người lao động; tổ chức các hoạt động chăm lo thiết thực.

- Bảo đảm quyền lợi và xây dựng môi trường lao động tiến bộ: Thực hiện đầy đủ chế độ, chính sách đối với người lao động; bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động; xây dựng môi trường làm việc và quan hệ lao động hài hòa, ổn định, tiến bộ; không có vi phạm nghiêm trọng pháp luật lao động, công đoàn, bảo hiểm, an toàn vệ sinh lao động.

- Kết quả nâng cao năng suất và thu nhập người lao động: Năng suất lao động và hiệu quả sản xuất, kinh doanh tăng so với năm trước; tốc độ tăng năng suất lao động phù hợp với đặc điểm ngành, lĩnh vực; thu nhập của người lao động được cải thiện tương xứng với năng suất, hiệu quả công việc và kết quả sản xuất, kinh doanh.

2. Tiêu chí thi đua đối với cá nhân:

2.1. Đối với cán bộ công đoàn

- Phẩm chất, trách nhiệm và kết quả thực hiện nhiệm vụ: Gương mẫu chấp hành chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao trở lên.

- Năng lực tham mưu, tổ chức Phong trào: Chủ động tham mưu, tổ chức triển khai và tuyên truyền, vận động đoàn viên, người lao động tham gia Phong trào; có cách làm mới, giải pháp sáng tạo hoặc mô hình hiệu quả.

- Thúc đẩy đào tạo, nâng cao kỹ năng và phát huy sáng kiến: Chủ động phối hợp với người sử dụng lao động tổ chức đào tạo, bồi dưỡng tay nghề, kỹ năng nghề, kỹ năng số; hỗ trợ đoàn viên, người lao động phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật và đổi mới sáng tạo.

- Thúc đẩy nâng cao năng suất, thu nhập và phúc lợi người lao động: Có kết quả trong tham mưu, phối hợp xây dựng tiêu chí lao động giỏi, cơ chế khuyến

khích sáng kiến, tăng năng suất; tích cực tham gia đối thoại, thương lượng, đề xuất giải pháp cải thiện tiền lương, tiền thưởng, phúc lợi và điều kiện làm việc.

- Phát hiện, bồi dưỡng và nhân rộng điển hình: Kịp thời phát hiện, hỗ trợ, giới thiệu, biểu dương và nhân rộng công nhân giỏi, lao động sáng tạo, sáng kiến, mô hình và cách làm hiệu quả.

2.2 Đối với đoàn viên, người lao động

- Hoàn thành tốt nhiệm vụ, có kỷ luật và tác phong làm việc chuyên nghiệp: Chấp hành tốt nội quy, quy trình, quy định của cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp; hoàn thành tốt nhiệm vụ, bảo đảm chất lượng, tiến độ và hiệu quả công việc.

- Tích cực học tập, nâng cao trình độ và làm chủ công nghệ: Chủ động học tập, nâng cao trình độ chuyên môn, tay nghề, kỹ năng nghề, kỹ năng số; tiếp cận, ứng dụng và từng bước làm chủ công nghệ, thiết bị, quy trình hoặc phương pháp làm việc mới.

- Lao động sáng tạo, góp phần nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả: Có tinh thần đổi mới, sáng tạo; tích cực tham gia các hoạt động thi tay nghề, phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật; có sáng kiến, giải pháp hoặc thành tích tiêu biểu góp phần nâng cao năng suất lao động, chất lượng sản phẩm, hiệu quả công việc hoặc bảo đảm an toàn lao động.

- Hợp tác, chia sẻ và xây dựng môi trường làm việc tiến bộ: Tích cực chia sẻ kinh nghiệm, hỗ trợ đồng nghiệp nâng cao tay nghề, ứng dụng công nghệ mới; gương mẫu thực hiện văn hóa công sở, văn hóa doanh nghiệp, xây dựng môi trường làm việc đoàn kết, hợp tác, kỷ luật.

2.3 Đối với người sử dụng lao động

- Quan tâm chỉ đạo, phối hợp và tạo điều kiện triển khai Phong trào: Phối hợp với tổ chức công đoàn xây dựng kế hoạch, mục tiêu, chỉ tiêu phù hợp với nhiệm vụ sản xuất, kinh doanh; tạo điều kiện về thời gian, nguồn lực, công nghệ, trang thiết bị và môi trường làm việc để đoàn viên, người lao động tham gia Phong trào.

- Đào tạo, phát triển kỹ năng và phát huy sáng kiến của người lao động: Có chương trình đào tạo, đào tạo lại, nâng cao tay nghề, kỹ năng nghề, kỹ năng số; khuyến khích người lao động học tập, làm chủ công nghệ, đề xuất sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, đổi mới sáng tạo và ứng dụng các giải pháp nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả.

- Xây dựng cơ chế ghi nhận, khen thưởng và chia sẻ kết quả: Có quy chế hoặc hình thức ghi nhận, khen thưởng kịp thời người lao động có thành tích, sáng kiến, giải pháp nâng cao năng suất; mức thưởng phù hợp với hiệu quả, giá trị làm lợi; quan tâm chia sẻ hợp lý kết quả tăng năng suất để cải thiện tiền lương, thu nhập, phúc lợi và điều kiện làm việc của người lao động.

- Thực hiện tốt đối thoại, thương lượng và trách nhiệm đối với người lao động: Phối hợp với tổ chức công đoàn thực hiện đối thoại tại nơi làm việc, thương lượng và ký kết thỏa ước lao động tập thể có nội dung có lợi hơn cho người lao động; thực hiện đầy đủ chế độ, chính sách, bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động, xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định, tiến bộ; không để việc nâng cao năng suất làm tăng cường độ lao động bất hợp lý hoặc ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động.

II. TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ CUỘC VẬN ĐỘNG “3 TIẾT KIỆM”

1. Tiêu chí đánh giá đối với tập thể:

- Có kế hoạch hoặc nội dung triển khai Cuộc vận động phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và đặc điểm của ngành, địa phương, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp; tổ chức tuyên truyền, vận động và phân công trách nhiệm thực hiện cụ thể.
- Lựa chọn nội dung, xác định mục tiêu hoặc mức tiết kiệm phù hợp.
- Có kết quả cụ thể, đo lường, so sánh, xác định được hiệu quả các nội dung thuộc 03 trụ cột trong Cuộc vận động.
- Có sáng kiến, giải pháp, mô hình hoặc cách làm hiệu quả trong thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; ưu tiên các mô hình đồng thời góp phần nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả công việc, cải thiện điều kiện làm việc hoặc tạo thêm nguồn lực chăm lo cho đoàn viên, người lao động.
- Thực hiện đầy đủ việc theo dõi, tổng hợp, báo cáo; số liệu kết quả phải có căn cứ, minh chứng và được xác nhận theo quy định;
- Kịp thời phát hiện, tuyên truyền, biểu dương và nhân rộng mô hình, điển hình tiêu biểu.

2. Tiêu chí đánh giá đối với cá nhân:

2.1 Đối với cán bộ công đoàn

- Gương mẫu thực hành tiết kiệm; tích cực tuyên truyền, vận động đoàn viên, người lao động thực hiện Cuộc vận động phù hợp với điều kiện của cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp.
- Chủ động tham mưu hoặc trực tiếp tổ chức triển khai các nội dung của Cuộc vận động; có giải pháp vận động, cách làm mới hoặc mô hình hiệu quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong hoạt động công đoàn.
- Chủ động phối hợp với người sử dụng lao động, bộ phận chuyên môn đề xuất giải pháp cải tiến quy trình làm việc, tổ chức lao động khoa học, sử dụng hiệu quả năng lượng, tài nguyên, nguyên vật liệu, kinh phí và tài sản.
- Có đóng góp cụ thể trong việc phát hiện, hỗ trợ, hoàn thiện, giới thiệu hoặc nhân rộng sáng kiến, giải pháp tiết kiệm của đoàn viên, người lao động.
- Có kết quả cụ thể trong vận động thực hành tiết kiệm gắn với nâng cao năng suất, cải thiện điều kiện làm việc, bảo đảm quyền lợi hoặc tăng nguồn lực chăm lo cho đoàn viên, người lao động.

2.2 Đối với đoàn viên, người lao động

- Gương mẫu chấp hành quy trình làm việc, quy trình sản xuất, định mức kỹ thuật; có ý thức tự giác thực hành tiết kiệm thời gian, sức lao động, năng lượng, tài nguyên, vật tư và chi phí trong phạm vi công việc được giao.
- Chủ động đổi mới phương pháp làm việc, cải tiến thao tác, sử dụng hiệu quả máy móc, thiết bị, vật tư và các nguồn lực được giao; hạn chế sai sót, lãng phí, thao tác thừa và công việc phải làm lại.
- Có sáng kiến, giải pháp hoặc đề xuất hợp lý hóa sản xuất, cải tiến kỹ thuật, tiết kiệm thời gian, sức lao động, năng lượng, nguyên vật liệu hoặc chi phí được áp dụng và mang lại hiệu quả.
- Tích cực tham gia các mô hình, tổ, đội hoặc hoạt động thực hành tiết kiệm; chia sẻ kinh nghiệm, hướng dẫn, vận động đồng nghiệp cùng thực hiện.
- Có lối sống khoa học, ý thức tiết kiệm, tiêu dùng hợp lý trong sinh hoạt.

2.3 Đối với người sử dụng lao động

- Quan tâm chỉ đạo, tạo điều kiện về cơ chế, nguồn lực, công nghệ và điều kiện làm việc để tổ chức công đoàn, đoàn viên, người lao động thực hiện Cuộc vận động. Phối hợp với tổ chức công đoàn tổ chức đối thoại, tuyên truyền, đánh giá và nhân rộng các mô hình thực hành tiết kiệm hiệu quả.

- Có giải pháp quản trị, cải tiến quy trình, đầu tư công nghệ, bố trí lao động khoa học nhằm giảm lãng phí, nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn lực.

- Có cơ chế khuyến khích, ghi nhận, khen thưởng người lao động có sáng kiến, giải pháp tiết kiệm; quan tâm chia sẻ một phần kết quả, giá trị làm lợi để nâng cao thu nhập, phúc lợi và điều kiện làm việc của người lao động.

III. HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG

Hằng năm, căn cứ kết quả thực hiện phong trào thi đua, cuộc vận động (có các tiêu chí cụ thể kèm theo), các cấp công đoàn tổ chức đánh giá, bình xét và đề nghị khen thưởng theo thẩm quyền.

1. Khen thưởng hằng năm

- Bằng khen của BCH Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam.
- Bằng Lao động sáng tạo của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam.
- Bằng khen của LĐLĐ tỉnh, thành phố, Công đoàn ngành trung ương.
- Giấy khen của công đoàn tập đoàn, tổng công ty, đơn vị trực thuộc Tổng Liên đoàn và công đoàn cơ sở.

- Các hình thức biểu dương, tôn vinh và khen, thưởng khác theo thẩm quyền.

2. Khen thưởng giai đoạn

- Khen thưởng sơ kết: lựa chọn tập thể, cá nhân tiêu biểu để tôn vinh cấp ngành, tập đoàn, tổng công ty, đơn vị trực thuộc, cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và khen thưởng theo thẩm quyền. Tặng giấy khen, bằng khen, tiền thưởng cho các tập thể, cá nhân xuất sắc tiêu biểu. Tổng Liên đoàn lựa chọn 250 – 350 tập thể, cá nhân tiêu biểu xuất sắc để tôn vinh cấp toàn quốc.

- Khen thưởng tổng kết: lựa chọn tập thể, cá nhân tiêu biểu để tôn vinh cấp ngành, ngành, tập đoàn, tổng công ty, đơn vị trực thuộc, cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và khen thưởng theo thẩm quyền. Tặng Cờ thi đua, Bằng khen, giấy khen, tiền thưởng cho các tập thể, cá nhân xuất sắc tiêu biểu. Tổng Liên đoàn lựa chọn 350 – 500 tập thể, cá nhân tiêu biểu xuất sắc để tôn vinh cấp toàn quốc.

3. Khen thưởng cấp Nhà nước

Các tập thể, cá nhân có thành tích đặc biệt xuất sắc, tiêu biểu được xem xét, đề nghị tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ khi tổng kết Phong trào thi đua, Cuộc vận động.

IV. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

Việc triển khai Phong trào thi đua và Cuộc vận động được tổ chức đồng bộ, lồng ghép phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và điều kiện thực tế của từng cấp công đoàn, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp; phát huy vai trò chủ động của đoàn viên, người lao động và sự phối hợp của người sử dụng lao động. Quá trình tổ chức thực hiện sử dụng chung tối đa nguồn dữ liệu, minh chứng, hệ thống theo dõi và chế độ báo cáo; bảo đảm thiết thực, hiệu quả, không hình thức, không làm phát sinh thủ tục hành chính không cần thiết. Các nhiệm vụ và giải pháp cụ thể như sau:

1. Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam

a. Định hướng nội dung, tuyên truyền và xây dựng văn hóa năng suất, tiết kiệm: Tổ chức tuyên truyền sâu rộng, xây dựng “Văn hóa năng suất”, “Văn hóa đổi mới liên tục” và “Văn hóa tiết kiệm” trong đoàn viên, người lao động; tạo chuyển biến từ “lao động theo thói quen” sang lao động dựa trên kỹ năng, năng suất, chất lượng và hiệu quả; hình thành ý thức tự giác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong lao động, sản xuất, hoạt động công đoàn và đời sống. Nghiên cứu xây dựng các chương trình truyền thông chuyên đề như “Công nhân 4.0”; phổ biến các mô hình lao động giỏi, sáng kiến, nâng cao năng suất, cải thiện thu nhập và thực hành “3 tiết kiệm” có hiệu quả quy mô toàn quốc.

Hướng dẫn các cấp công đoàn lựa chọn nội dung, chỉ tiêu và tổ chức các đợt thi đua chuyên đề, cao điểm phù hợp với từng giai đoạn, ngành, lĩnh vực; tập trung vào nâng cao kỹ năng số, phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, nâng cao năng suất lao động và thực hành tiết kiệm. Đưa nội dung thực hiện Cuộc vận động “3 tiết kiệm” và Ngày toàn dân tiết kiệm, chống lãng phí (31/5) thành một trong những hoạt động trọng tâm của Tháng Công nhân hằng năm.

b. Thúc đẩy học tập suốt đời, đào tạo và phát triển kỹ năng cho người lao động: Tiếp tục triển khai hiệu quả Chương trình “Đẩy mạnh các hoạt động học tập suốt đời trong công nhân lao động tại các doanh nghiệp đến năm 2030”; đổi mới nội dung, phương thức tổ chức theo hướng thiết thực, linh hoạt, gắn với chuyển đổi số, tự động hóa, trí tuệ nhân tạo, sản xuất thông minh và yêu cầu nâng cao năng suất lao động. Phối hợp với các bộ, ngành, doanh nghiệp, hiệp hội, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và tổ chức khoa học, công nghệ triển khai các chương trình đào tạo, đào tạo lại, nâng cao kỹ năng nghề, kỹ năng số và khả năng thích ứng với công nghệ mới.

c. Hoàn thiện cơ chế phát huy sáng kiến, nâng cao năng suất và chia sẻ kết quả: Nghiên cứu, đề xuất hoàn thiện cơ chế, chính sách khuyến khích đoàn viên, người lao động phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, đổi mới sáng tạo; cơ chế ghi nhận, khen thưởng tương xứng với hiệu quả và giá trị làm lợi của sáng kiến; khuyến khích doanh nghiệp chia sẻ hợp lý kết quả tăng năng suất, giá trị làm lợi và giá trị tiết kiệm để nâng cao tiền lương, thu nhập, phúc lợi, cải thiện điều kiện làm việc và tái đầu tư cho người lao động.

d. Xây dựng hệ thống dữ liệu, theo dõi và nhân rộng mô hình: Xây dựng, quản lý và từng bước số hóa cơ sở dữ liệu về sáng kiến, tác giả sáng kiến, mô hình nâng cao năng suất và mô hình thực hành tiết kiệm hiệu quả. Từng bước xây dựng hệ thống theo dõi trên nền tảng số, cập nhật và đánh giá kết quả theo thời gian thực; sử dụng chung dữ liệu, chỉ tiêu và minh chứng của Phong trào và Cuộc vận động; định kỳ công bố các sáng kiến, mô hình, tập thể, cá nhân tiêu biểu.

đ. Kiểm tra, đánh giá, khen thưởng và tôn vinh: Tăng cường hướng dẫn, kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết; kịp thời rà soát, điều chỉnh chỉ tiêu, nhiệm vụ và giải pháp phù hợp với thực tiễn. Gắn kết quả Phong trào và Cuộc vận động với đánh giá thi đua, khen thưởng, xét tặng Bằng Lao động sáng tạo và các chương trình biểu dương, tôn vinh của tổ chức Công đoàn. Bổ sung nội dung về năng suất lao động, đổi mới sáng tạo, nâng cao thu nhập, phúc lợi và sử dụng hiệu quả nguồn lực vào tiêu chí Giải thưởng, Bảng xếp hạng “Doanh nghiệp tiêu biểu vì người

lao động”; Lựa chọn, tổ chức tôn vinh tác giả được tặng Bằng Lao động sáng tạo, công nhân giỏi, tập thể và doanh nghiệp tiêu biểu hằng năm.

Phân công cụ thể trách nhiệm của các thành viên Hội đồng Thi đua – Khen thưởng; giao 01 đồng chí Phó Chủ tịch Tổng Liên đoàn trực tiếp chỉ đạo, theo dõi việc thực hiện.

2. Liên đoàn Lao động tỉnh, thành phố, Công đoàn ngành, Công đoàn tập đoàn, tổng công ty trực thuộc Tổng Liên đoàn

a. Cụ thể hóa mục tiêu, chỉ tiêu và tổ chức triển khai: Căn cứ hướng dẫn của Tổng Liên đoàn, xây dựng kế hoạch, đăng ký và tổ chức thực hiện các chỉ tiêu bắt buộc, chỉ tiêu được phân bổ và chỉ tiêu đăng ký phấn đấu; cụ thể hóa phù hợp với đặc điểm địa phương, ngành, lĩnh vực và cơ cấu đoàn viên, người lao động. Tổ chức các đợt thi đua theo cụm, khối, khu công nghiệp, ngành nghề hoặc nhóm doanh nghiệp cùng lĩnh vực; hướng dẫn lựa chọn nội dung “*3 tiết kiệm*” phù hợp với đặc điểm sản xuất, kinh doanh. Mỗi nội dung triển khai phải xác định rõ mục tiêu, chỉ tiêu, đơn vị thực hiện, thời hạn và minh chứng đánh giá.

b. Đổi mới tuyên truyền và xây dựng lực lượng nòng cốt: Đổi mới công tác tuyên truyền theo hướng trực quan, ngắn gọn, dễ hiểu, dễ thực hiện; tăng cường sử dụng nền tảng số, mạng xã hội, sinh hoạt công đoàn và các hình thức phù hợp tại khu công nghiệp, khu chế xuất, doanh nghiệp đông công nhân. Tuyên truyền, phổ biến các mô hình lao động giỏi, nâng cao năng suất, cải thiện thu nhập và thực hành tiết kiệm hiệu quả; gắn triển khai Cuộc vận động với thực hiện Chỉ thị của Tổng Liên đoàn về tăng cường thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong hệ thống Công đoàn. Phát triển mạng lưới công nhân nòng cốt về lao động giỏi, sáng kiến; các câu lạc bộ “*Công nhân sáng tạo*”, “*Công nhân giỏi*”; tổ chức diễn đàn, tọa đàm, thảo luận sáng kiến và chia sẻ kinh nghiệm để lan tỏa các cách làm hiệu quả quy mô cấp tỉnh, ngành.

c. Phối hợp đào tạo, nâng cao kỹ năng và khả năng thích ứng công nghệ: Phối hợp với doanh nghiệp, cơ sở đào tạo triển khai chương trình đào tạo, đào tạo lại, nâng cao tay nghề, kỹ năng nghề, kỹ năng số cho đoàn viên, người lao động; chú trọng trí tuệ nhân tạo, tự động hóa, sản xuất thông minh, quản trị số và kỹ năng thích ứng với chuyển đổi công nghệ. Chỉ đạo các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trực thuộc cập nhật chương trình đào tạo gắn với nhu cầu thực tiễn của doanh nghiệp.

d. Phát huy sáng kiến, xây dựng và nhân rộng mô hình: Tổ chức hoặc hỗ trợ tổ chức hội thi tay nghề, thi thợ giỏi, luyện tay nghề, diễn đàn sáng kiến, thảo luận kỹ thuật; hướng dẫn công đoàn cơ sở phát hiện, hoàn thiện, áp dụng và nhân rộng sáng kiến, cải tiến kỹ thuật. Xây dựng mô hình điểm về nâng cao năng suất, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, cải thiện thu nhập và thực hành “*3 tiết kiệm*”; tổ chức đánh giá, tổng kết, phổ biến và nhân rộng trong địa phương, ngành. Hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ đề nghị tặng Bằng Lao động sáng tạo và khen thưởng sáng kiến có giá trị, bảo đảm kịp thời, đúng tiêu chuẩn.

đ. Thúc đẩy đối thoại, thương lượng và các cơ chế khuyến khích người lao động: Chỉ đạo công đoàn cơ sở đưa nội dung đào tạo nâng cao kỹ năng, thường nâng suất, thưởng sáng kiến, cải thiện điều kiện làm việc, phúc lợi và chia sẻ hợp lý giá trị làm lợi vào đối thoại, thương lượng và thỏa ước lao động tập thể. Phối

hợp, vận động người sử dụng lao động xây dựng hoặc sửa đổi quy chế lương, thưởng; ghi nhận, khen thưởng trực tiếp người lao động có sáng kiến, giải pháp nâng cao năng suất và tiết kiệm hiệu quả.

e. Theo dõi, kiểm tra, đánh giá và khen thưởng: Theo dõi việc thực hiện các chỉ tiêu, sử dụng chung dữ liệu, minh chứng và chế độ báo cáo của Phong trào và Cuộc vận động. Tổ chức kiểm tra, đánh giá, sơ kết, tổng kết; kịp thời biểu dương, khen thưởng và nhân rộng tập thể, cá nhân, sáng kiến, mô hình tiêu biểu. Phân công một đồng chí trong Thường trực Ban Thường vụ trực tiếp chỉ đạo, theo dõi và chịu trách nhiệm về kết quả triển khai.

3. Công đoàn cấp trên cơ sở đặc thù, công đoàn cơ sở; các đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp trực thuộc Tổng Liên đoàn

a. Cụ thể hóa và tổ chức thực hiện Phong trào, Cuộc vận động: Chủ động phối hợp xác định mục tiêu, chỉ tiêu thi đua gắn với nhiệm vụ sản xuất, kinh doanh, từng phân xưởng, tổ, đội, bộ phận và vị trí việc làm; tổ chức các đợt thi đua chuyên đề, hoạt động cao điểm phù hợp như “Tháng nâng cao kỹ năng số cho công nhân”, “Quý sáng kiến, cải tiến kỹ thuật”, “Năm năng suất lao động”....

b. Nâng cao kỹ năng, tay nghề và khả năng làm chủ công nghệ: Phối hợp tổ chức đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng kỹ năng nghề, kỹ năng số tại chỗ; liên kết với cơ sở giáo dục nghề nghiệp, xây dựng lộ trình phát triển kỹ năng theo vị trí việc làm và các “Điểm đào tạo kỹ năng công nhân” phù hợp. Duy trì các hình thức kèm cặp, truyền nghề, luyện tay nghề, thi nâng bậc, thi thợ giỏi; tạo điều kiện để người lao động tiếp cận và làm chủ công nghệ, thiết bị, quy trình mới.

c. Phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật và thực hành tiết kiệm: Tổ chức “Ngày hội sáng kiến”, diễn đàn, thao diễn sáng kiến; áp dụng các phương pháp quản trị, sản xuất tiên tiến như Kaizen, Lean, 5S và xây dựng “Tổ cải tiến năng suất” ở nơi có điều kiện. Khuyến khích người lao động đổi mới phương pháp làm việc, hợp lý hóa sản xuất, đề xuất giải pháp nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và tiết kiệm thời gian, sức lao động, năng lượng, tài nguyên, nguyên vật liệu, chi phí; sáng kiến được ghi nhận, xác nhận kết quả và khen thưởng phù hợp.

d. Đẩy mạnh đối thoại, thương lượng và chia sẻ kết quả: Tập trung thương lượng về tiền lương, tiền thưởng, thời giờ, điều kiện làm việc, phúc lợi và chế độ đãi ngộ gắn với năng suất, chất lượng, hiệu quả; đề xuất đưa nội dung đào tạo, thưởng năng suất, thưởng sáng kiến, cải thiện điều kiện làm việc vào thỏa ước lao động tập thể. Phối hợp xây dựng, sửa đổi quy chế lương, thưởng theo hướng công khai, minh bạch; khuyến khích sử dụng hợp lý một phần giá trị làm lợi, giá trị tiết kiệm để khen thưởng người lao động, cải thiện môi trường làm việc và tăng nguồn lực chăm lo.

đ. Phát huy vai trò của người lao động, xây dựng môi trường làm việc tiến bộ: Triển khai nội dung Phong trào và Cuộc vận động đến từng đoàn viên, người lao động; khuyến khích học tập, đổi mới phương pháp làm việc, thực hành tiết kiệm, hỗ trợ đồng nghiệp và nâng cao hiệu quả công việc. Phát huy vai trò nêu gương của cán bộ công đoàn, cán bộ quản lý, công nhân giỏi; xây dựng các mô hình như “Tổ sản xuất kiểu mẫu”, “Công nhân tiêu biểu về tác phong công nghiệp” và môi trường làm việc đoàn kết, kỷ luật, an toàn, chuyên nghiệp.

e. Theo dõi, đánh giá, khen thưởng và bảo vệ quyền lợi người lao động:
Theo dõi kết quả theo các chỉ tiêu về kỹ năng, sáng kiến, năng suất, thu nhập, phúc lợi và tiết kiệm; thu thập, lưu giữ số liệu, minh chứng, báo cáo theo quy định; kịp thời biểu dương, khen thưởng các tập thể, cá nhân, sáng kiến, giải pháp có hiệu quả và khả năng nhân rộng. Đồng thời thực hiện tốt chức năng giám sát, bảo đảm chế độ, chính sách, an toàn, vệ sinh lao động và quyền lợi theo thỏa ước lao động tập thể; việc nâng cao năng suất, thực hành tiết kiệm không được làm tăng cường độ lao động bất hợp lý hoặc ảnh hưởng đến sức khỏe, tiền lương, phúc lợi và quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động.

Trên đây là hướng dẫn triển khai Phong trào thi đua và Cuộc vận động, quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, các đơn vị thông tin kịp thời về Tổng Liên đoàn (qua Ban Công tác Công đoàn) để tham mưu, hướng dẫn, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Trung ương MTTQ VN (để b/c);
- Ban Thi đua - Khen thưởng TW;
- Ban Thường vụ TLĐ;
- LĐLĐ tỉnh, thành phố;
- CĐ ngành TW, CĐ TCTy trực thuộc TLĐ
- Các ban, đơn vị trực thuộc TLĐ;
- Lưu: VT, CTCĐ.

**TM. BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ CHỦ TỊCH**



Thái Thu Xương



BẢNG CHỈ TIÊU THI ĐUA PHONG TRÀO "LAO ĐỘNG GIỎI, NĂNG SUẤT CAO, THU NHẬP TỐT"
(kèm theo HD số 09 /HD-Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam ngày 19 tháng 8 năm 2026)

TT	Nhóm chỉ tiêu	Nội dung chỉ tiêu	Mức yêu cầu hoặc mức đăng ký	Cách tính	Minh chứng (nếu cần)	Kỳ thực hiện
2	Nhóm chỉ tiêu bắt buộc thực hiện	Triển khai, hướng dẫn phong trào đến công đoàn cấp dưới và CĐCS đủ điều kiện	100% cấp dưới trực tiếp; ≥90% CĐCS đủ điều kiện	Số đơn vị đã triển khai/tổng số đơn vị thuộc phạm vi quản lý	Xác nhận của công đoàn cơ sở/đơn vị/doanh nghiệp	6 tháng/Năm
3		Đoàn viên, NLĐ được đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, kỹ năng nghề, kỹ năng số	≥65%	Số đoàn viên, NLĐ được đào tạo/tổng số đoàn viên, NLĐ thuộc phạm vi tổng hợp	Xác nhận của công đoàn cơ sở/đơn vị/doanh nghiệp	Quý/Năm
4		NLĐ được phổ biến CNTT, công nghệ số, sử dụng thiết bị thông minh phục vụ công việc	≥75% NLĐ tại doanh nghiệp	Số NLĐ được phổ biến/tổng số NLĐ tại doanh nghiệp có tổ chức công đoàn	Xác nhận của công đoàn cơ sở/đơn vị/doanh nghiệp	Quý/Năm
5		Tổ chức/tham gia hội thi tay nghề, thi thợ giỏi, thi kỹ năng nghề, thao diễn hoặc diễn đàn sáng kiến và Biểu dương, khen thưởng công nhân giỏi, lao động xuất sắc, lao động sáng tạo	Ít nhất 01 hoạt động/năm hoặc theo nhiệm kỳ với hoạt động quy mô lớn	Có hoạt động do đơn vị tổ chức, phối hợp hoặc cử NLĐ tham gia	Kế hoạch, quyết định, danh sách, kết quả hội thi	6 tháng/ Năm
6		Doanh nghiệp có TULĐTT với điều khoản có lợi hơn cho NLĐ	>80% doanh nghiệp đủ điều kiện	Số DN có TULĐTT có lợi hơn/tổng số DN có tổ chức công đoàn, đủ điều kiện thương lượng	Xác nhận của công đoàn cơ sở/đơn vị/doanh nghiệp	6 tháng/ Năm
7		Đoàn viên, NLĐ được thụ hưởng chương trình phúc lợi do công đoàn, doanh nghiệp tổ chức	≥85%	Số đoàn viên, NLĐ thụ hưởng/tổng số đoàn viên, NLĐ thuộc phạm vi tổng hợp	Xác nhận của công đoàn cơ sở/đơn vị/doanh nghiệp	6 tháng /Năm
8	Chỉ tiêu do Tổng Liên đoàn phân bổ	Sáng kiến của công nhân lao động được đề xuất và áp dụng vào thực tiễn	Theo chỉ tiêu TLĐ phân bổ từ mức toàn quốc	Số sáng kiến đã áp dụng/tổng chỉ tiêu TLĐ giao cho đơn vị	Xác nhận của đơn vị/doanh nghiệp	Quý/Năm
9		Sáng kiến được tặng Bằng Lao động sáng tạo	Theo chỉ tiêu TLĐ phân bổ từ mức toàn quốc	Số sáng kiến đã được xét tặng Bằng LĐST	Quyết định tặng Bằng LĐST	Quý/Năm

TT	Nhóm chỉ tiêu	Nội dung chỉ tiêu	Mức yêu cầu hoặc mức đăng ký	Cách tính	Minh chứng (nếu cần)	Kỳ thực hiện
10	Chỉ tiêu đơn vị đăng ký phân đầu	Tốc độ tăng năng suất lao động bình quân của doanh nghiệp/đơn vị tham gia phong trào	Đơn vị đăng ký; tham chiếu khoảng 8,5%/năm	Tỷ lệ tăng năng suất so với năm trước theo nhóm doanh nghiệp/đơn vị	Xác nhận của đơn vị/doanh nghiệp	Năm
11		Thu nhập bình quân của NLĐ tăng phù hợp năng suất và hiệu quả sản xuất kinh doanh	Đơn vị đăng ký; hướng tới trên 8%/năm	Mức tăng thu nhập bình quân so với năm trước	Xác nhận của đơn vị/doanh nghiệp	Năm
12		Doanh nghiệp sửa đổi quy chế lương, thưởng gắn với năng suất, sáng kiến	Đăng ký số doanh nghiệp	Số doanh nghiệp đã sửa đổi/tổng số doanh nghiệp đăng ký vận động	Quy chế lương thưởng, biên bản đối thoại, thỏa ước	Năm
13		Giá trị làm lợi từ sáng kiến	Bám theo mức toàn quốc 20.000 tỷ đồng năm 2026 và tăng 10–15%/năm trong các năm tiếp theo	Giá trị làm lợi có xác nhận của đơn vị đăng ký	Xác nhận của đơn vị/doanh nghiệp	6 tháng/ Năm



PHỤ LỤC TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ CUỘC VẬN ĐỘNG "3 TIẾT KIỆM"

(Kèm theo HD số 09/HD-TLD ngày 19 tháng 8 năm 2026)

STT	Nhóm đối tượng	Nội dung tiêu chí	Mức yêu cầu hoặc mức đăng ký	Cách tính	Minh chứng (nếu cần)	Kỳ thực hiện
1	Tập thể	Tiết kiệm thời gian trong xử lý công việc, sản xuất, hoạt động công đoàn	Đăng ký ít nhất 01 chỉ số phù hợp	Tỷ lệ giảm thời gian xử lý/chu kỳ sản xuất hoặc tỷ lệ công việc đúng, trước hạn	Xác nhận của CĐCS, đơn vị, doanh nghiệp	6 tháng/Năm
2		Tiết kiệm sức lao động, giảm thao tác thừa, giảm việc làm lại	Đăng ký ít nhất 01 chỉ số phù hợp	Tỷ lệ giảm giờ công/đơn vị sản phẩm, giảm sai lỗi/làm lại hoặc số khâu được cải tiến	Xác nhận của CĐCS, đơn vị, doanh nghiệp	6 tháng/Năm
3		Tiết kiệm năng lượng và tài nguyên nước	Đăng ký ít nhất 01 chỉ số phù hợp	Tỷ lệ giảm kWh, nhiên liệu, m ³ nước theo đơn vị sản phẩm, doanh thu, lao động hoặc diện tích	Xác nhận của CĐCS, đơn vị, doanh nghiệp	6 tháng/Năm
4	Cán bộ công đoàn	Gương mẫu thực hành tiết kiệm và tuyên truyền, vận động đoàn viên, NLD	Thực hiện thường xuyên; không vi phạm quy định về sử dụng thời gian, tài sản, kinh phí	Đánh giá qua kết quả nhiệm vụ, nhận xét của tập thể và minh chứng hoạt động	Xác nhận của CĐCS	Năm
5		Tham mưu, phối hợp tổ chức CVD tại cơ sở, đơn vị	Có hoạt động hoặc giải pháp cụ thể được triển khai	Số hoạt động/giải pháp tham mưu; mức độ hoàn thành và tác động thực tế	Xác nhận của CĐCS	6 tháng/Năm
6		Phát hiện, hỗ trợ, giới thiệu sáng kiến, mô hình, điển hình tiết kiệm	Có đóng góp cụ thể trong hỗ trợ hoặc nhân rộng điển hình	Số sáng kiến/mô hình được hỗ trợ, giới thiệu, biểu dương; kết quả lan tỏa	Xác nhận của CĐCS	6 tháng/Năm
7	Đoàn viên, người lao động	Gương mẫu tiết kiệm thời gian, sức lao động, vật tư, tài sản trong công việc	Hoàn thành nhiệm vụ đúng hạn, bảo đảm chất lượng; không lãng phí nguồn lực được giao	Tỷ lệ công việc đúng hạn; mức độ chấp hành quy trình, định mức; giảm sai lỗi/làm lại	Xác nhận của CĐCS, đơn vị, doanh nghiệp	6 tháng/Năm
8		Có sáng kiến, đề xuất hoặc cách làm tiết kiệm được áp dụng	Khuyến khích có ít nhất 01 đề xuất/giải pháp hiệu quả	Số đề xuất/giải pháp được áp dụng; hiệu quả tiết kiệm hoặc giá trị làm lợi được xác nhận	Xác nhận của CĐCS, đơn vị, doanh nghiệp	6 tháng/Năm
9		Chia sẻ kinh nghiệm, lan tỏa nếp sống và tác phong tiết kiệm	Tích cực tham gia mô hình, tổ/đội, hoạt động tuyên truyền hoặc hướng dẫn đồng nghiệp	Số hoạt động tham gia; nhận xét của tổ/bộ phận; tác động lan tỏa	Xác nhận của CĐCS, đơn vị, doanh nghiệp	Năm

BẢNG CHỈ TIÊU SÁNG KIẾN, BẢNG LĐST
(Kèm theo HD số **09** /HD-TLĐ ngày **19** tháng **8** năm 2026)

TT	ĐƠN VỊ	Số sáng kiến cơ sở được công nhận và áp dụng	Số Bảng LĐST
1	LĐLĐ tỉnh An Giang	23,408	29
2	LĐLĐ tỉnh Bắc Ninh	128,400	161
3	LĐLĐ tỉnh Cà Mau	8,489	20
4	LĐLĐ tỉnh Cao Bằng	928	10
5	LĐLĐ TP Cần Thơ	28,788	36
6	LĐLĐ TP Đà Nẵng	45,082	56
7	LĐLĐ tỉnh Đắk Lắk	12,591	16
8	LĐLĐ tỉnh Điện Biên	1,473	10
9	LĐLĐ tỉnh Đồng Nai	150,819	189
10	LĐLĐ tỉnh Đồng Tháp	40,884	51
11	LĐLĐ tỉnh Gia Lai	15,576	19
12	LĐLĐ TP Hà Nội	116,848	200
13	LĐLĐ tỉnh Hà Tĩnh	7,566	10
14	LĐLĐ TP Hải Phòng	126,194	400
15	LĐLĐ TP Huế	11,061	14
16	LĐLĐ TP Hồ Chí Minh	481,911	602
17	LĐLĐ tỉnh Hưng Yên	62,538	78
18	LĐLĐ tỉnh Khánh Hòa	2,450	10
19	LĐLĐ tỉnh Lai Châu	819	10
20	LĐLĐ tỉnh Lâm Đồng	18,416	23
21	LĐLĐ tỉnh Lạng Sơn	3,307	10
22	LĐLĐ tỉnh Lào Cai	8,295	10
23	LĐLĐ tỉnh Nghệ An	30,369	38
24	LĐLĐ tỉnh Ninh Bình	73,269	92
25	LĐLĐ tỉnh Phú Thọ	65,536	82
26	LĐLĐ tỉnh Quảng Ngãi	18,235	23
27	LĐLĐ tỉnh Quảng Ninh	22,536	28
28	LĐLĐ tỉnh Quảng Trị	9,114	15
29	LĐLĐ tỉnh Sơn La	2,596	10
30	LĐLĐ tỉnh Tây Ninh	92,567	116
31	LĐLĐ tỉnh Thái Nguyên	31,314	39
32	LĐLĐ tỉnh Thanh Hóa	61,927	77
33	LĐLĐ tỉnh Vĩnh Long	35,017	44

TT	ĐƠN VỊ	Số sáng kiến cơ sở được công nhận và áp dụng	Số Bằng LĐST
34	LĐLĐ tỉnh Tuyên Quang	6,902	15
35	CĐ Cao su Việt Nam	9,157	10
36	CĐ Công an nhân dân	4,994	30
37	CĐ Công Thương VN	27,987	50
38	CĐ Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia VN	12,258	200
39	CĐ Dệt May VN	20,962	30
40	CĐ Đường sắt VN	4,652	15
41	CĐ Điện lực VN	19,703	25
42	CĐ Xây dựng VN	25,779	50
43	CĐ Giáo dục VN	8,561	20
44	CĐ TCT Hàng hải VN	4,386	15
45	CĐ TCT Hàng không VN	4,373	15
46	CĐ Ngân hàng VN	40,563	100
47	CĐ Nông nghiệp và Môi trường VN	10,473	15
48	Ban CĐ Quốc phòng	30,533	50
49	CĐ Than - Khoáng sản VN	18,533	50
50	CĐ Khoa học và Công nghệ VN	16,510	100
51	CĐ Y tế VN	11,813	30
	TỔNG CỘNG	2,016,463	3,348